

TỰ DO BÁO CHÍ, vấn đề *tự do báo chí* đã xuất hiện ngay từ khi báo chí ra đời và trong suốt lịch sử tồn tại, phát triển của báo chí và các phương tiện truyền thông đại chúng, trở thành chủ đề trung tâm của những cuộc tranh luận nảy lửa, không bao giờ dứt, thành mục tiêu đấu tranh của các giai cấp, tổ chức chính trị - xã hội với hệ tư tưởng khác nhau. Trong điều kiện hiện nay, khi báo chí và các phương tiện truyền thông đại chúng phát triển mạnh mẽ, *tự do báo chí* trở thành nội dung lớn nhất, quan trọng nhất của *tự do ngôn luận*, thậm chí đôi khi người ta còn bỏ qua ranh giới giữa *tự do báo chí* và *tự do ngôn luận*.

Sự ra đời của báo chí là kết quả của quá trình phát triển văn hóa của nhân loại, trong đó đặc biệt là những thành tựu về kỹ thuật in ấn. Nhưng chính bối cảnh của cuộc cách mạng tư sản ở phương Tây và cùng với tiến trình công nghiệp hóa, mở rộng thị trường mới là điều kiện, là mảnh đất màu mỡ cho sự phát triển và thể hiện sức mạnh của báo chí với tính chất là một phương tiện truyền thông mới. Trong cuộc đấu tranh một mặt, một còn giữa một bên là các thế lực phong kiến, quý tộc bảo thủ và nhiều khi là cả sự sát cánh của các tầng lớp, với một bên là giai cấp tư sản đang lên cùng với nhu cầu phát triển nền kinh tế hàng hóa, báo chí ngay lập tức trở thành một quyền lực xã hội đầy hấp dẫn. Tuy nhiên, các nhà nước quân chủ lúc đó đã giành lấy báo chí, giữ lấy nó như một thứ vũ khí mạnh mẽ để bảo vệ quyền lực của mình. *Tự do báo chí* ra đời trong bối cảnh đó và tất nhiên do chính giai cấp tư sản phát động. *Nội dung tự do báo chí lúc đó được hiểu là quyền tự do in ấn và xuất bản các tờ báo mà giai cấp tư sản đòi được chia sẻ công bằng với nhà nước phong kiến bảo thủ đang nắm giữ độc quyền.*

Một số nhà tư tưởng tư sản từng giải thích về tự do báo chí như tự do hàng hóa. Người ta có thể tự do sản xuất các hàng hóa để đưa ra thị trường tiêu thụ thì cũng có thể tự do in ấn, xuất bản các tờ báo để bán cho người đọc. Người dân đã biết chọn cho mình thứ hàng hóa tốt thì cũng có thể chọn cho mình những ý kiến hay, những tư tưởng tốt trong báo chí tự do. Mặt khác, tự do báo chí cần thiết với vai trò một công cụ an ninh chống lại sự tham nhũng của những quan chức độc tài (John Milton 1608-1674, John Stuart Mill 1806 - 1873). Tuy nhiên, giới phong kiến quý tộc và các nhà nước bảo thủ không hiểu như thế. Họ tìm mọi cách nắm lấy báo chí và biến báo chí thành một thứ công cụ sắc bén, một thứ quyền lực mạnh mẽ để bảo vệ vị thế xã hội và các lợi ích của mình. Trong khi nhà nước phong kiến sử dụng pháp luật và cả bạo lực để ngăn cản quyền tự do báo chí của giai cấp tư sản và nhân dân lao động thì một bộ phận tôn giáo cũng đứng về phía chính quyền, hòa giọng vào “dàn đồng ca” lên án tự do báo chí, tự do ngôn luận. Trong Thông điệp Mi-ra-ri-vốt ngày 15.8.1832, Giáo hoàng Gre-gô-ri-ô XVI đã lên án mạnh mẽ và hoàn toàn loại bỏ tự do báo chí ra ngoài vòng pháp luật của xã hội. Thông điệp viết: Cái châm ngôn sai lầm và phi

lý, hay nói cho đúng, sự rò rỉ: tự do tín ngưỡng, tự do báo chí, cái tự do ghê tởm nhất, tai hại nhất mà bao giờ người ta cũng ghê sợ.

Khi giành được chính quyền, giai cấp tư sản lại đi theo vết xe đổ của nhà nước phong kiến quý tộc. Một mặt họ vẫn lớn tiếng tuyên bố tôn trọng và ủng hộ tự do báo chí. Một mặt họ vẫn giành lấy cho riêng mình độc quyền về báo chí, bằng mọi cách ngăn cản tự do báo chí ở chính quốc và đàn áp báo chí tự do ở các quốc gia, lãnh thổ thuộc địa. V.I. Lênin đã từng chỉ ra rằng: “Trong xã hội tư sản, tự do báo chí là tự do mua báo chí, tự do mua nhà báo (mua các cây bút), tự do mua chuộc, tự do mua và chế tạo ra các dư luận làm lợi cho giai cấp tư sản”¹. Cuộc đấu tranh giành tự do báo chí của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức ở các nước thuộc địa đã phải trả giá cả bằng xương máu và nước mắt.

Ở Việt Nam, trong suốt tám mươi năm dưới ách thống trị của thực dân Pháp và thế lực phong kiến, nền báo chí cùng chung “số phận” với dân tộc, bị đè nén, áp bức và bóp nghẹt mọi tự do. Ánh mắt soi mói của bè lũ mật thám và “lưỡi kéo” kiểm duyệt của chính quyền cắt không thương tiếc mọi bài vở, thậm chí mọi câu chữ thể hiện tinh thần yêu nước, đòi tự do cho dân tộc, cải thiện dân sinh. Những người làm báo cách mạng bị đàn áp, tù đày, thậm chí bị thủ tiêu hoặc kết án tử hình. Trong bài báo “Đông Dương và Triều Tiên” đăng trên báo *Le Populaire* ngày 4.9.1919, Nguyễn Ái Quốc đã lên án chế độ nô dịch báo chí của chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương. Người viết: “Về mặt báo chí, xuất bản bằng tiếng phương Đông, Chính phủ giành lấy cái quyền hạn bị ỏi chỉ cho phép xuất bản những loại nào ca ngợi mình và sau khi đã có kiểm duyệt rồi. Chính phủ lợi dụng cái đặc quyền độc đáo ấy để lập ra những tờ báo tiếng An Nam theo ý mình được hưởng trợ cấp bí mật của nhà nước và chuyên việc làm quảng cáo tuyên truyền cho Chính phủ và thường kỳ viết những bài phỉn định các quan trên có thế lực ở thuộc địa”². Năm 1919, Nguyễn Ái Quốc thay mặt nhóm những người yêu nước An Nam gửi đến Hội nghị Versailles bản “*Yêu sách của nhân dân An Nam*”, nêu lên tám yêu sách, trong đó, yêu sách thứ ba là “Tự do báo chí và tự do ngôn luận”³.

Trên thế giới, phải đến giữa thế kỷ XX, với kết quả của cuộc đấu tranh kiên trì, quyết liệt của công nhân và nhân dân lao động các dân tộc cùng với những tiến bộ văn hóa, văn minh nhân loại, quyền tự do báo chí và cùng với nó là quyền tự do ngôn luận, mới được khẳng định và trở thành một giá trị chuẩn mực quốc tế. Điều 19, *Tuyên ngôn thế giới về quyền con người* của Liên hợp quốc, được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua và công bố theo Nghị quyết số 217A (III), ngày 10.12.1948, nêu rõ: “Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận và bày tỏ quan điểm; kể cả tự do bảo

¹ Lê nin nói về sách báo: NXB Sách giáo khoa Mác – lê nin, Hà Nội, 1984, tr.152.

²Hồ Chí Minh, toàn tập, Nxb. CTQG, HN, 2011, t.1, tr. 19.

³Hồ Chí Minh Toàn tập, t. 1, Nxb. CTQG, HN, 2011, tr. 469.

lưu ý kiến không phụ thuộc vào bất cứ sự can thiệp nào, cũng như tự do tìm kiếm, thu nhận, truyền bá thông tin và ý kiến bằng bất cứ phương tiện thông tin đại chúng nào và không giới hạn về biên giới”. Tuy nhiên, bằng hệ thống luật pháp, các chính sách và với những mức độ khác nhau, chính quyền các nước phương Tây vẫn đặt báo chí và các phương tiện truyền thông đại chúng trong vòng kiểm soát nhằm phục vụ cho những mục tiêu chính trị. Trên thực tế, tự do xuất bản báo chí và thành lập các tổ chức truyền thông hiện đại chỉ là quyền tự do của các ông chủ, những tập đoàn tài phiệt giàu có, của những người có tiền, có của, có quyền lực trong tay. Những người nghèo hay tổ chức của họ không thể xuất bản báo chí hoặc duy trì hoạt động của một cơ quan truyền thông vì một lý do đơn giản là không có tiền. Đặc biệt, các chính quyền phương Tây chưa bao giờ đối xử nhẹ tay đối với thông tin báo chí và những người làm báo bất đồng chính kiến, không “ăn cắp” với họ, có tư tưởng không đồng thuận với họ và nhất là đụng chạm đến lợi ích của các ông chủ và của nhà cầm quyền.

Ngày nay, *tự do báo chí không đơn thuần chỉ là tự do in ấn, xuất bản các sản phẩm báo chí mà còn được mở rộng một cách toàn diện, bao gồm tự do hoạt động nghề nghiệp của người làm báo; tự do ra báo, thành lập các cơ quan truyền thông đại chúng; tự do tiếp cận thông tin báo chí; tự do truyền phát thông tin, biểu đạt quan điểm; quyền được bảo vệ và đối xử công bằng trên các phương tiện truyền thông đại chúng*. Xong cần phải nói rằng, lâu nay rất nhiều người vì mục đích nào đó mà thường chỉ nhấn mạnh các quyền tự do làm báo, tự do ra báo chí, tự do ngôn luận trên báo chí mà quên đi quyền được bảo vệ một cách công bằng, đạo đức trên báo chí, truyền thông. Hơn thế nữa, người ta cũng vô tình hay hữu ý mà *không nhắc đến vai trò của pháp luật trong điều chỉnh hoạt động báo chí phục vụ cho mục đích chung, sự phát triển hài hòa của xã hội và phúc lợi của nhân dân*.

Tự do báo chí, tự do ngôn luận luôn luôn là một mục tiêu nhất quán, một yêu cầu trước sau như một của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam. Tự do báo chí và ngôn luận được xác định rõ ràng trong cương lĩnh chính trị của Đảng, được quy định chặt chẽ, rõ ràng và ngày càng đầy đủ trong Hiến pháp và hệ thống pháp luật của Nhà nước. Lời kêu gọi của Đại hội thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 3.2.1930 nhấn mạnh một trong những mục đích hàng đầu của cuộc cách mạng mà Đảng chủ trương là “*Đem lại mọi quyền tự do cho nhân dân*”⁴. “*Công nhân vận động (Án Nghị quyết của Trung ương toàn thể Đại hội)*”, tháng 10.1930 chỉ rõ yêu cầu đầu tiên của cuộc đấu tranh về chính trị là: “*Tự do tổ chức, ngôn luận, tụ hội, bãi công, thị oai biểu tình*”⁵. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (*Bổ sung, phát triển năm 2011*) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã tổng kết một trong năm bài học lớn của Đảng là “*sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân*

⁴Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, t.2, 1930, Nxb. CTQG, H., 2002, tr. 17

⁵Sđ d, tr. 142

dân và vì nhân dân... Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân”⁶. Nói rộng ra, những “lợi ích và nguyện vọng chính đáng” của nhân dân chính là quyền được mưu cầu hạnh phúc, không ngừng cải thiện đời sống, quyền được tự do phát triển toàn diện, được bảo đảm quyền con người và các quyền tự do trong một xã hội tiến bộ, văn minh, hiện đại, trong đó đương nhiên có các quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận.

Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã long trọng khẳng định “Công dân Việt Nam có quyền: - Tự do ngôn luận/ - Tự do xuất bản...”. Điều 25 Hiến pháp năm 2013 hiến định: “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định”. Luật Báo chí năm 2016 đã cụ thể hóa quyền tự do báo chí của công dân thành sáu nội dung, bao gồm: “1. Sáng tạo tác phẩm báo chí; 2. Cung cấp thông tin cho báo chí; 3. Phản hồi thông tin trên báo chí; 4. Tiếp cận thông tin báo chí; 5. Liên kết với cơ quan báo chí thực hiện sản phẩm báo chí; 6. In, phát hành báo in”. Luật này cũng quy định quyền tự do ngôn luận của công dân với 3 nội dung: “1. Phát biểu ý kiến về tình hình đất nước và thế giới./ 2. Tham gia ý kiến xây dựng và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước./ 3. Góp ý kiến, phê bình, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trên báo chí đối với các tổ chức của Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức, cá nhân khác.”

Quyền tự do báo chí được khẳng định và quy định chặt chẽ trong hệ thống luật pháp Việt Nam, được xác định rõ ràng những điều kiện, khuôn khổ cụ thể bảo đảm cho các quyền tự do đó được thực thi một cách đúng đắn, hài hòa giữa mỗi người dân và cộng đồng, không làm tổn hại đến lợi ích chung của dân tộc, của đất nước. Điều 13, Luật Báo chí năm 2016 quy định về “Trách nhiệm của Nhà nước đối với quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân” nêu rõ: “1. Nhà nước tạo Điều kiện thuận lợi để công dân thực hiện quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí và để báo chí phát huy đúng vai trò của mình./ 2. Báo chí, nhà báo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và được Nhà nước bảo hộ. Không ai được lạm dụng quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân./ 3. Báo chí không bị kiểm duyệt trước khi in, truyền dẫn và phát sóng”. Luật này cũng quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan báo chí, các nhà báo trong việc tôn trọng các quy tắc đạo đức, văn hóa, tôn trọng nhân cách, phẩm giá, quyền con người của công dân, quy định rõ trách nhiệm của báo chí nếu vi phạm quyền, lợi ích, phẩm giá của người dân.

⁶Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. CTQG, H, 2011, tr. 65.

Không còn nghi ngờ gì nữa, *tự do báo chí*, tự do ngôn luận đã được quy định rõ ràng, đầy đủ, chặt chẽ trong Hiến pháp và luật pháp Việt Nam. Những nội dung cụ thể về quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận được xác lập trong luật pháp, được thực thi trong đời sống, thể hiện tính chất dân chủ ưu việt của chế độ chính trị của Việt Nam, trong đó, người dân chính là chủ nhân của chế độ. Báo chí chính là một kênh quan trọng, hữu hiệu để nhân dân trực tiếp quyết định những vấn đề quốc kế, dân sinh, tham gia quản trị xã hội và đóng góp vào việc xây dựng chính quyền, xây dựng tổ chức Đảng. Đó cũng là sự khẳng định một trong những thành quả to lớn, quan trọng của cuộc cách mạng vĩ đại vì độc lập của dân tộc, tự do của nhân dân, xây dựng chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trên thực tế, Đảng, Nhà nước Việt Nam không chỉ tôn trọng, bảo vệ mà còn tạo mọi điều kiện để không ngừng cải thiện tự do báo chí, tự do ngôn luận cho nhân dân.

Đảng, Nhà nước Việt Nam quan tâm đầu tư *phát triển, không ngừng hiện đại hóa hệ thống báo chí và các phương tiện truyền thông đại chúng*, đáp ứng nhu cầu thông tin báo chí của nhân dân ngày càng mở rộng, ngày càng phong phú. Nhà nước Việt Nam có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ cho việc phát hành báo chí, cải thiện điều kiện tiếp cận thông tin của các khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo. Sóng phát thanh, sóng truyền hình đã phủ kín toàn quốc. Hệ thống các kênh phát thanh, truyền hình quảng bá và các ấn phẩm định kỳ, trong đó có nhiều ấn phẩm cấp phát miễn phí, với chủng loại phong phú, đáp ứng nhu cầu thông tin đa dạng của nhân dân ở các vùng, miền, các lứa tuổi, từ giải trí, học tập, nâng cao hiểu biết, tìm hiểu luật pháp, giáo dục lối sống, truyền bá các giá trị văn hóa, giao lưu kết nối xã hội đến hướng nghiệp, phổ biến khoa học - kỹ thuật, thông tin vấn đề chính trị trong nước và quốc tế, v.v. Sự phát triển nhanh chóng của hệ thống báo chí, các cơ quan truyền thông đại chúng, Internet và chỉ số trung bình thời gian sử dụng Internet của người Việt Nam ở mức cao là một minh chứng cụ thể cho sự tự do báo chí, tự do ngôn luận ở Việt Nam. Đó thực sự là nền báo chí tự do, có trách nhiệm, vì sự phát triển tự do toàn diện và hạnh phúc của con người, vì nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc của dân tộc và sự phát triển tiến bộ của xã hội, của dân tộc và đất nước.

Đảng và Nhà nước Việt Nam đặc biệt quan tâm đến việc không ngừng cải thiện điều kiện sống, phát triển giáo dục, nâng cao trình độ văn hóa cho người dân, qua đó mở rộng nhu cầu thông tin báo chí của nhân dân. Nhiều chính sách được thực thi nhằm cung cấp các phương tiện, sản phẩm báo chí, truyền thông để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin báo chí của nhân dân, nhất là người dân ở miền núi, hải đảo, những nơi còn nhiều khó khăn. Đời sống chính trị - xã hội trong nước được bảo đảm bằng nguyên tắc dân chủ “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân thụ hưởng”. Người dân không chỉ được thụ hưởng những lợi ích to lớn do báo chí

mang lại mà còn được bảo vệ an toàn trước những rủi ro, nguy cơ có thể đến từ báo chí.

Đảng và Nhà nước xác định phát triển nền báo chí Việt Nam với tinh thần hội nhập quốc tế, mở rộng các mối quan hệ hợp tác với báo chí, truyền thông các nước trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị. Sự hợp tác quốc tế của báo chí Việt Nam được triển khai trên tất cả các bình diện, từ trao đổi, chia sẻ thông tin, hợp tác sản xuất, trao đổi các sản phẩm báo chí, truyền thông, trao đổi phóng viên tác nghiệp thực tế, đến trao đổi kinh nghiệm nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng người làm báo, hợp tác thúc đẩy phát triển báo chí, nâng cao năng lực báo chí thông tin về các lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội, v.v. Nhà nước Việt Nam mở cửa đón nhận và tạo điều kiện thuận lợi nhất, an toàn nhất cho các nhà báo trên thế giới đến tác nghiệp tại Việt Nam.

Trên thực tế, nền báo chí Việt Nam đã và đang phát triển rất nhanh chóng, chuyên nghiệp, tiếp cận với trình độ chung về công nghệ của thế giới, bảo đảm những giá trị phổ biến và tiến bộ của nhân loại, không xa rời những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, cũng như giữ vững những giá trị nhân văn, tiến bộ của chế độ, thực sự đóng vai trò động lực mạnh mẽ cho công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Đó cũng chính là một trong những điều kiện đảm bảo cho *tự do báo chí*, *tự do ngôn luận* của mọi người dân được đáp ứng ngày càng đầy đủ hơn và toàn diện hơn./

TẠ NGỌC TẤN

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.2, 1930, Nxb. CTQG, H., 2002
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. CTQG, H, 2011
3. Hồ Chí Minh *toàn tập*, t.1, Nxb. CTQG, HN, 2011.
4. V. Lê nin: *Về vấn đề báo chí*, Nxb. Sự thật, HN, 1970.
5. *Hồ Chí Minh về báo chí* (in lần thứ hai có bổ sung), Tạ Ngọc Tấn tuyển chọn và giới thiệu, Nxb. CTQG ST, HN. 2004.